

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM KHU
VỰC 3 – THANH HÓA** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 01 năm 2026

Về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Dũng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” thụ lý số 95/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXX- ST, ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự.

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1998

Số Căn cước công dân: 038198018272, do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 16/12/2021.

Địa chỉ: Số nhà B, đường N, phố T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997

Số Căn cước công dân: 038097031673, do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 16/12/2021.

Địa chỉ: Số nhà A, đường E, thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị N và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa ngày 04/9/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh T không có công việc ổn định nên toàn bộ gánh nặng kinh tế trong gia đình đều do mình chị N đảm nhận; trong cuộc sống vợ chồng anh T không chung thủy; ngoài ra anh T không quan tâm, không chăm sóc hay phụ giúp chị N trong việc nuôi dạy và chăm sóc các con. Đến tháng 2/2025 mâu thuẫn trầm trọng chị N và các con về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 20/04/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 09/01/2024. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân hai cháu sống cùng chị N. Nay ly hôn do các con đang còn nhỏ, nên chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ cả hai cháu.

Hiện tại chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân của chị từ 9 đến 10 triệu đồng một tháng nên đủ để chị nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Văn T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã trực tiếp nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 12 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay anh T đang sinh sống tại địa phương. Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N về nhà bố mẹ đẻ sống, anh T vẫn sinh sống tại địa phương.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 20/4/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 09/01/2024. Cả hai cháu đã theo mẹ về nhà ông bà ngoại sinh sống.

Chị N và anh T đều là lao động tự do, thu nhập cụ thể thế nào địa phương không nắm được, quá trình sống tại địa phương chị N và anh T đều chấp hành tốt quy định của Nhà nước, không vi phạm pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 12 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Thanh Hóa cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2019. Đến tháng 2 năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N và hai con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị N tại số nhà B, đường N, phố T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa sinh sống.

Về con chung: Chị N và anh T có 2 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 20/4/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 09/01/2024. Hiện tại hai cháu và chị N

đều đang sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị N, hai cháu đều ngoan, sức khỏe tốt, phát triển bình thường và học tập tốt, bố mẹ chị N đang còn trẻ, khỏe, tạo điều kiện về nơi ở và hỗ trợ chị N trong việc chăm sóc các con. Chị N hiện đang làm công nhân tại Công ty, sáng đi chiều về, thu nhập cụ thể thế nào địa phương không nắm được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao 2 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 20/4/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 09/01/2024 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi cháu 2.500.000đ/1 tháng.

+ Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa, cấp ngày 04/9/2019. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau và thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống không có hạnh phúc. Đến tháng 2 năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng, chị N cùng hai con đã về nhà bố mẹ đẻ tại phường Q, tỉnh Thanh Hóa sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 20/4/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 09/01/2024. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung.

Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, anh T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nên biết rõ yêu cầu khởi kiện của chị N, tuy nhiên anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N về phần con chung, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của anh T về phần con chung

Xét thấy, từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay hai cháu đang sống cùng chị N tại nhà bố mẹ đẻ chị N ở phố T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa, điều kiện sức khỏe, học tập của hai cháu đều tốt, bố mẹ chị N đang còn trẻ, khỏe, có thể hỗ trợ chị N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Hiện tại cháu Nguyễn Anh T1 mới được hơn 2 tuổi, cháu Nguyễn An N1 được hơn 5 tuổi, cả hai cháu đều đang còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp từ mẹ, ngoài ra kể từ khi vợ chồng sống ly thân, hai cháu sống cùng mẹ nhưng anh T không thăm hỏi và không có trách nhiệm với các con. Để không làm sáo trộn cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu 2.500.000đ/1 tháng.

Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N đối với anh T là chính đáng và có cơ sở, do đó chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi cháu 2.500.000đ/1 tháng.

Trường hợp sau khi ly hôn, điều kiện sống của chị N, anh T có sự thay đổi và một trong các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con thì có quyền khởi kiện vụ án khác để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 20/4/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 09/01/2024 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi cháu 2.500.000đ/1 tháng, kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002083, ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- VKS Khu vực 3 – Thanh Hóa;;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thiệu Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan